

BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT BẠC LIÊU



GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN: KẾ TOÁN KHO BẠC
NGÀNH/NGHỀ: KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ KTKT ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu)*

Bạc Liêu, năm 2021

MỤC LỤC

Danh mục giải thích các từ viết tắt	04
BÀI MỞ ĐẦU. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA KBNN	07
1. 1. Kho bạc nhà nước Việt Nam	07
1.1. Chức năng, nhiệm vụ của KBNN	07
1.2. Tổ chức bộ máy của KBNN Việt Nam	08
2. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán KBNN	08
2.1. Tổ chức công tác kế toán của KBNN	08
2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của KBNN	11
Câu hỏi	11
BÀI 1. KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI KBNN	12
1. Kế toán vốn bằng tiền	12
1.1. Những vấn đề chung về kế toán vốn bằng tiền	12
1.2. Phương pháp kế toán vốn bằng tiền	13
2. Kế toán thanh toán không dùng tiền mặt	18
2.1. Kế toán thanh toán điện tử Liên kho bạc	18
2.2. Kế toán thanh toán điện tử Liên ngân hàng	27
2.3. Kế toán thanh toán song phương điện tử giữa KBNN với NHTM	35
Câu hỏi và bài tập	43
BÀI 2. KẾ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	54
1. Kế toán thu NSNN	54
1.1. Những vấn đề chung về kế toán thu NSNN	54
1.2. Phương pháp kế toán thu NSNN	56
2. Kế toán chi NSNN	79
2.1. Những vấn đề chung về kế toán chi NSNN	79
2.2. Phương pháp kế toán chi NSNN	82
3. Kế toán thu, chi chuyển giao; Thu, chi chuyển nguồn	115
3.1. Yêu cầu	115
3.2. Phương pháp hạch toán	115
4. Kế toán ghi thi, ghi chi NSNN	121
4.1. Yêu cầu	121

4.2. Phương pháp hạch toán	121
5. Kế toán cân đối thu, chi NSNN	122
5.1. Yêu cầu	122
5.2. Phương pháp hạch toán	123
Câu hỏi và bài tập	131
BÀI 3. KẾ TOÁN TIỀN GỬI ĐƠN VỊ TẠI KBNN	150
1. Những vấn đề chung	150
2. Phương pháp kế toán tiền gửi các đơn vị tại KBNN	150
2.1. Chứng từ sử dụng	150
2.2. Tài khoản sử dụng	150
2.3. Phương pháp kế toán tiền gửi các đơn vị tại KBNN	151
Câu hỏi và bài tập	159
BÀI 4. KẾ TOÁN VAY NỢ VÀ TRẢ NỢ VAY	165
1. Những vấn đề chung	165
2. Phương pháp kế toán vay nợ và trả nợ vay bằng đồng Việt Nam	165
2.1. Chứng từ sử dụng	165
2.2. Tài khoản sử dụng	166
2.3. Vay và trả nợ vay trong nước bằng đồng Việt Nam	166
2.4. Thanh toán phí phát hành, thanh toán tín phiếu, trái phiếu	182
Câu hỏi và bài tập	183
BÀI 5. KẾ TOÁN ĐIỀU CHUYỂN VỐN VÀ QUYẾT TOÁN VỐN	187
1. Những vấn đề chung	187
2. Kế toán điều chuyển vốn bằng đồng Việt Nam	187
2.1. Chứng từ sử dụng	187
2.2. Tài khoản sử dụng	188
2.3. Phương pháp kế toán	188
3. Kế toán quyết toán vốn kho bạc	188
3.1. Chứng từ sử dụng	188
3.2. Tài khoản sử dụng	189
3.3. Phương pháp kế toán	189
Câu hỏi và bài tập	193
BÀI 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO QUẢN TRỊ	199
1. Báo cáo tài chính	199
1.1. Những vấn đề chung về báo cáo tài chính tại KBNN	199

1.2. Phương pháp lập báo cáo tài chính tại KBNN	201
2. Báo cáo quản trị	201
2.1. Những vấn đề chung về báo cáo quản trị tại KBNN	201
2.2. Phương pháp lập báo cáo quản trị tại KBNN	202
Bài tập	202
TÀI LIỆU THAM KHẢO	214

TaiLieu.vn

DANH MỤC GIẢI THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Theo tiếng Anh

Tên đầy đủ	Viết tắt	Dịch ra tiếng Việt
Account Payable	AP	Phân hệ quản lý chi
Account Receivables	AR	Phân hệ quản lý thu
Budget Allocation	BA	Phân hệ phân bổ NS
General Ledger	GL	Sổ cái
Purchase order	PO	Phân hệ cam kết chi
Tax Collection System	TCS	Dự án hiện đại hóa thu Ngân sách nhà nước
Treasury and budget management Information System	TABMIS	Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc

- Theo tiếng Việt

Tên đầy đủ	Viết tắt
Báo cáo tài chính	BCTC
Ban quản lý	BQL
Cam kết chi	CKC
Công trái	CT
Chương trình mục tiêu	CTMT
Chứng minh nhân dân	CMND
Cơ quan	CQ
Dự án	DA
Dự toán	DT
Dự trữ tài chính	DTTC
Địa phương	ĐP
Đơn vị	ĐV
Đơn vị có quan hệ với ngân sách	ĐVQHNS
Địa bàn hành chính	ĐBHC
Đầu tư	ĐT
Ghi thu ghi chi	GTGC
Giá trị gia tăng	GTGT
Hợp đồng	HD
Kho bạc	KB

Tên đầy đủ	Viết tắt
Kho bạc Nhà nước	KBNN
Kế hoạch	KH
Kế hoạch tổng hợp	KHTH
Kinh phí công đoàn	KPCĐ
Kinh phí uỷ quyền	KPUQ
Kinh tế	KT
Kế toán trưởng	KTT
Kế toán viên	KTV
Kiểm soát	KS
Kiểm soát thanh toán	KSTT
Mục lục ngân sách	MLNS
Mục lục ngân sách nhà nước	MLNSNN
Liên kho bạc	LKB
Lệnh chuyển Có	LCC
Lệnh chuyển Nợ	LCN
Liên đoàn	LĐ
Liên đoàn lao động	LĐLĐ
Lệnh thanh toán	LTT
Nội dung kinh tế	NDKT
Ngân hàng	NH
Ngân hàng Nhà nước	NHNN
Ngân hàng thương mại	NHTM
Nhà nước	NN
Ngân sách	NS
Ngân sách địa phương	NSDP
Ngân sách Nhà nước	NSNN
Ngân sách trung ương	NSTW
Phát hành	PH
Quyết toán	QT
Sử dụng ngân sách	SDNS
Sổ giao dịch	SGD
Số thứ tự	STT

Tên đầy đủ	Viết tắt
Tính chất nguồn kinh phí	TCNKP
Tài khoản	TK
Tiền gửi	TG
Tài khoản tiền gửi	TKTG
Tiểu mục	TM
Thu nhập cá nhân	TNCN
Thành phố	TP
Trái phiếu Chính phủ	TPCP
Tín phiếu, trái phiếu	TPTP
Thanh toán	TT
Thanh toán bù trừ tập trung	TTBTTT
Thanh toán điện tử	TTĐT
Thanh toán viên	TTV
Thanh toán bù trừ	TTBT
Thanh toán vốn đầu tư	TTVĐT
Thường xuyên	TX
Trung ương	TW
Vốn đầu tư	VĐT
Việt Nam	VN
Việt Nam đồng	VNĐ
Ủy ban nhân dân	UBND
Ủy nhiệm chi	UNC
Xây dựng	XD
Xây dựng cơ bản	XDCB
Xây dựng Tổ quốc	XDTQ
Yêu cầu thanh toán	YCTT

BÀI MỞ ĐẦU.

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA KBNN

Bài tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán của KBNN giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ của KBNN, bộ máy kế toán KBNN và nội dung công tác kế toán tại KBNN.

Mục tiêu:

- Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của kế toán KBNN và hệ thống tài khoản kế toán Nhà nước áp dụng cho kế toán KBNN.

- Thực hiện được chức năng và nhiệm vụ của kế toán KBNN. Sử dụng đúng tài khoản kế toán KBNN.

Nội dung:

1. Kho bạc nhà nước Việt Nam

1.1. Chức năng, nhiệm vụ của KBNN

Kho bạc Nhà nước là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quỹ NSNN, các quỹ tài chính Nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước được giao theo quy định của pháp luật; thực hiện việc huy động vốn cho NSNN, cho đầu tư phát triển qua hình thức phát hành công trái, trái phiếu theo quy định của Nhà nước.

1.1.1. Chức năng của KBNN

Kho bạc Nhà nước có 2 chức năng cơ bản là:

- Quản lý Nhà nước về quỹ ngân sách Nhà nước, các quỹ tài chính Nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước được giao quản lý.

- Huy động vốn cho ngân sách Nhà nước, cho đầu tư phát triển qua hình thức phát hành công trái và trái phiếu.

1.1.2. Nhiệm vụ của KBNN

- Quản lý quỹ ngân sách Nhà nước và các quỹ tài chính khác của Nhà nước

- Tổ chức hạch toán kế toán NSNN và các quỹ tài chính khác của Nhà nước

- Thực hiện nghiệp vụ thanh toán và điều hành vốn

- Tổ chức huy động vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển

- Quản lý, cấp phát, cho vay đối với các chương trình mục tiêu của Chính phủ

Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, KBNN còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.2. Tổ chức bộ máy của KBNN Việt Nam

1.2.1. Nguyên tắc tổ chức bộ máy

- Đảm bảo tính pháp lý trong hoạt động

Mỗi KBNN là một tổ chức quản lý quỹ tài chính Nhà nước, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng. Vì vậy việc xác định nội dung hoạt động, chế độ quản lý tài chính đối với KBNN, mô hình tổ chức, biên chế cán bộ đều dựa trên cơ sở hệ thống các văn bản pháp quy trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

- Đảm bảo tính thống nhất về tổ chức và chỉ đạo nghiệp vụ

KBNN được tổ chức quản lý thống nhất theo hệ thống ngành dọc, đặt dưới sự quản lý điều hành thống nhất của KBNN Trung ương. Mạng lưới KBNN được thiết lập tương ứng với từng cấp chính quyền Nhà nước: Cấp trung ương có KBNN Trung ương; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có KBNN tỉnh, thành phố (gọi chung là KBNN tỉnh); cấp quận, huyện có KBNN quận, huyện (gọi chung là KBNN huyện). Hệ thống KBNN được tổ chức thống nhất nhằm đảm bảo cho công tác chỉ đạo thống nhất trong mọi hoạt động của hệ thống KBNN từ Trung ương tới địa phương.

- Đảm bảo tính độc lập tương đối trong quá trình hoạt động

Các KBNN được đảm bảo tính độc lập tương đối trong quá trình hoạt động, KBNN là cơ quan quản lý tiền và tài sản quốc gia của Nhà nước và chính quyền địa phương. Các đơn vị KBNN có nhiệm vụ chung giống nhau, nhưng mỗi cấp KBNN lại có phạm vi hoạt động, mức độ trách nhiệm khác nhau:

+ KBNN Trung ương chịu trách nhiệm quản lý quỹ NSNN và các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước.

+ KBNN tỉnh chịu trách nhiệm quản lý quỹ NSNN trên địa bàn tỉnh và các quỹ của Tỉnh.

+ KBNN huyện chịu trách nhiệm quản lý quỹ NSNN trên địa bàn.

1.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của hệ thống KBNN Việt Nam

KBNN được tổ chức ở 3 cấp từ Trung ương đến huyện, cụ thể:

- Cấp trung ương: là cơ quan kho bạc Nhà nước
- Cấp tỉnh: là KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Cấp huyện: là KBNN huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

2. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán KBNN

2.1. Tổ chức công tác kế toán của KBNN

2.1.1. Nhiệm vụ của kế toán KBNN

2.1.1.1. Nội dung kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN

Kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, giám sát, phân tích và cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực, liên tục và có hệ thống về: Tình hình phân bổ dự toán kinh phí NSNN; Tình hình thu, chi NSNN; Tình hình vay và trả nợ vay của NSNN; Các loại tài sản của nhà nước do KBNN đang quản lý và các hoạt động nghiệp vụ KBNN.

2.1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN

- Thu thập, ghi chép, xử lý và quản lý dữ liệu tập trung trong toàn hệ thống về tình hình quản lý, phân bổ dự toán chi ngân sách các cấp; Tình hình thực hiện thu, chi

NSNN các cấp; Các khoản vay và tình hình trả nợ vay của NSNN; Các loại tài sản do KBNN quản lý và các hoạt động nghiệp vụ KBNN, bao gồm:

- + Dự toán chi NSNN;
- + Các khoản thu, chi NSNN các cấp;
- + Các khoản vay và tình hình trả nợ vay của NSNN;
- + Các quỹ tài chính, nguồn vốn có mục đích;
- + Tiền gửi của các tổ chức, cá nhân hoặc đứng tên cá nhân (nếu có);
- + Các loại vốn bằng tiền: Tiền mặt, TGNH, các khoản tương đương tiền;
- + Các khoản tạm ứng, cho vay, thu hồi vốn vay và vốn khác của KBNN;
- + Các tài sản quốc gia, kim khí quý, đá quý và các tài sản khác thuộc trách nhiệm quản lý của KBNN;
- + Các hoạt động giao dịch, thanh toán trong và ngoài hệ thống KBNN;
- + Các hoạt động nghiệp vụ khác của KBNN.

- Kiểm soát việc chấp hành chế độ quản lý tài chính, chế độ thanh toán và các chế độ, quy định khác của Nhà nước liên quan đến thu, chi NSNN, vay, trả nợ vay của NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của KBNN.

- Chấp hành chế độ báo cáo tài chính, báo cáo quản trị theo quy định; Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu, thông tin kế toán cần thiết, theo yêu cầu về việc khai thác thông tin, cơ sở dữ liệu kế toán trên TABMIS theo phân quyền và quy định khai thác dữ liệu, trao đổi, cung cấp thông tin giữa các đơn vị trong ngành Tài chính với các đơn vị liên quan theo quy định; Đảm bảo cung cấp kịp thời thông tin kế toán phục vụ việc quản lý, điều hành, quyết toán NSNN, công tác quản lý nợ và điều hành các hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan tài chính và hệ thống KBNN.

2.1.2. Hệ thống tài khoản kế toán của KBNN

Tài khoản kế toán là phương pháp kế toán dùng để phân loại và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh theo nội dung kinh tế. Tài khoản kế toán phản ánh và kiểm soát thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình vận động của các đối tượng kế toán do KBNN quản lý.

Tài khoản kế toán được mở cho từng đối tượng kế toán có nội dung kinh tế riêng biệt. Tất cả tài khoản kế toán được sử dụng trong kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN gọi là hệ thống tài khoản kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN do Bộ Tài chính quy định gồm có: Loại tài khoản, số hiệu và tên tài khoản, nội dung và phương pháp ghi chép của từng tài khoản. Hệ thống tài khoản kế toán quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất trong tất cả các đơn vị kế toán thuộc hệ thống KBNN.

Hệ thống tài khoản kế toán Nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) được ban hành theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc và Công văn số 4696/KBNN-KTNN ngày 29/09/2017 của KBNN V/v hướng dẫn thực hiện KTNN áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

Hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán trong kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước là tổ hợp tài khoản kế toán gồm 12 phân đoạn mã do Bộ Tài chính quy định phục vụ cho việc hạch toán kế toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo yêu cầu quản lý, điều hành NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN.

Tên và số lượng ký tự của từng đoạn mã trong hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán được quy định như sau:

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mã	Mã quỹ	Mã tài khoản kế toán	Mã nội dung kinh tế	Mã cấp ngân sách	Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách	Mã địa bàn hành chính	Mã chương	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA và hạch toán chi tiết	Mã KBNN	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã dự phòng
Số ký tự	2	4	4	1	7	5	3	3	5	4	2	3

12 phân đoạn mã trong Hệ thống tổ hợp tài khoản này được cập nhật, cung cấp trên cơ sở dữ liệu danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính.

a) Mã tài khoản kế toán là mã bắt buộc trong tổ hợp tài khoản dùng để hạch toán các nghiệp vụ theo các đối tượng kế toán của một đơn vị kế toán. Mã tài khoản kế toán gồm 4 ký tự được quy định là: N1N2N3N4.

b) Mã tài khoản kế toán được đánh số theo chiều dọc, phân khoảng đảm bảo bố trí đủ giá trị theo phân loại hiện tại, dự phòng đảm bảo nguyên tắc mở, dành chỗ để bố trí tài khoản tổng hợp phục vụ mục đích lập báo cáo.

c) Hệ thống tài khoản kế toán được chia thành 7 loại, gồm: Loại 1, Loại 2, Loại 3, Loại 5, Loại 7, Loại 8, Loại 9.

d) Trong mỗi loại tài khoản kế toán, các nhóm tài khoản kế toán được phân khoảng và đánh số riêng biệt, dự phòng khoảng giá trị để bổ sung các nhóm tài khoản khi có yêu cầu quản lý mới hoặc các đơn vị sử dụng ngân sách, các quỹ tài chính và các đơn vị khác tham gia vào hệ thống.

đ) Trong mỗi nhóm tài khoản kế toán, các tài khoản tổng hợp và chi tiết được phân khoảng, đánh số riêng biệt, có dự phòng các giá trị để bổ sung các tài khoản khi có yêu cầu quản lý mới hoặc các đơn vị sử dụng ngân sách, các quỹ tài chính và các đơn vị khác tham gia vào hệ thống.

e) Tài khoản trung gian là những tài khoản được bố trí do yêu cầu của hệ thống. Tài khoản trung gian được thiết lập để hạch toán trên các phân hệ phụ, hạch toán các giao dịch về năm ngân sách khác nhau, phục vụ cho việc điều chỉnh và thực hiện các quy trình xử lý cuối năm. Đơn vị KBNN chịu trách nhiệm hạch toán đúng mã hiệu tài khoản trung gian theo quy định, phù hợp với quy trình nghiệp vụ và phải in sao kê, giải trình lý do trong trường hợp tài khoản trung gian còn số dư.

2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của KBNN

Kho bạc Nhà nước các cấp tổ chức bộ máy kế toán và thực hiện công tác kế toán; Cơ quan tài chính các cấp, đơn vị dự toán các cấp tham gia TABMIS chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy để thực hiện công việc kế toán theo quy trình nghiệp vụ trên TABMIS phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của từng cấp ngân sách theo quy định của Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015, Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và các quy định của Thông tư này.

CÂU HỎI

Câu 1: Trình bày nội dung, nhiệm vụ của kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN.

Câu 2: Trình bày nội dung, kết cấu các loại tài khoản kế toán trong hệ thống tài khoản kế toán của KBNN.

TaiLieu.vn

BÀI 1.

KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI KBNN

Bài kế toán vốn bằng tiền và kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại KBNN trình bày được những vấn đề chung và phương pháp hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại KBNN.

Mục tiêu:

- Trình bày được phương pháp hạch toán kế toán vốn bằng tiền và kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại KBNN.

- Định khoản được các nghiệp vụ kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt tại KBNN.

Nội dung:

1. Kế toán vốn bằng tiền

1.1. Những vấn đề chung về kế toán vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm

Vốn bằng tiền của KBNN gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ. Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

1.1.2. Yêu cầu của kế toán vốn bằng tiền

- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ của NN, chế độ quản lý kho tiền, kho quỹ, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình, thủ tục xuất, nhập quỹ do KBNN quy định.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác số hiện có và tình hình thu chi của KBNN; đảm bảo khớp đúng giữa sổ kế toán và thực tế về số tồn quỹ tiền mặt tại KB và số dư tiền gửi của KB tại ngân hàng.

- Kế toán vốn bằng tiền phải sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam. Đối với các loại ngoại tệ, kim khí quý, đá quý do KBNN quản lý phải được theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và từng loại kim khí quý, đá quý, đồng thời phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm hạch toán để hạch toán trên sổ kế toán. Mọi khoản chênh lệch giá và tỷ giá phải được hạch toán theo quy định của KBNN.

- Các khoản thanh toán của đơn vị chuyển sang ngân hàng thương mại (NHTM) lĩnh tiền mặt phải được kiểm tra, kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN và hướng dẫn tại công văn số 1728/KBNN-THPC ngày 28/4/2017 của Tổng giám đốc KBNN về việc thực hiện Thông tư số 13/2017/TT-BTC.

- Định kỳ hàng tháng, năm, các đơn vị KBNN thực hiện xác nhận đối chiếu với ngân hàng nơi mở tài khoản về toàn bộ số phát sinh trong tháng, số dư đầu tháng và số dư cuối tháng các tài khoản mở tại ngân hàng theo mẫu số M-02/KB/TT, trường hợp phát sinh chênh lệch phải ghi rõ số liệu chênh lệch và lý do thuyết minh kèm theo.

1.2. Phương pháp kế toán vốn bằng tiền

1.2.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền vào tài khoản.
- Giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi, giấy rút dự toán ngân sách bằng tiền mặt, Séc lĩnh tiền mặt và các chứng từ chi tiền mặt khác như: Phiếu thu, phiếu chi.
- Các chứng từ thanh toán với ngân hàng như giấy báo Có, giấy báo Nợ.

1.2.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán vốn bằng tiền sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- Tài khoản 1110 - Tiền mặt
- Tài khoản 1130 - Thanh toán tổng hợp tại ngân hàng.
- Tài khoản 1150 - Chuyên thu tại ngân hàng
- Tài khoản 1170 - Tiền đang chuyển.
- Tài khoản 1390 - Phải thu trung gian
- Tài khoản 3390 - Phải trả trung gian

1.2.3. Phương pháp kế toán vốn bằng tiền

1.2.3.1. Kế toán tiền mặt

- Thu thuế, thu tiền phạt, phí và lệ phí trực tiếp tại Kho bạc bằng tiền mặt. Căn cứ Giấy nộp tiền vào NSNN bằng tiền mặt, ghi (TCS-TT):

Nợ TK 1112

Có TK 7111, 3511, 3512, 3591, 3941, 3942, ...

(Bút toán trên giao diện sang TABMIS - GL theo mã tài khoản đã hạch toán tại TCS-TT).

- Trường hợp thu hộ KBNN khác (cả thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông). Căn cứ GNT vào NSNN bằng tiền mặt, ghi (TCS-TT):

Nợ TK 1112

Có TK 3999 - Phải trả khác (chi tiết theo mã ĐVQHNS)

(Tài khoản 3999 được mở chi tiết theo mã ĐVQHNS; các khoản thu hộ KBNN khác có thể được hạch toán trực tiếp tại TABMIS - GL)

Kế toán lập Phiếu chuyển khoản chuyển số thu hộ về KBNN khác, ghi (GL):

Nợ TK 3999 - Phải trả khác (chi tiết theo mã ĐVQHNS)

Có TK 3853, 3863 - LKB đi (LCC)

- Thu hồi các khoản chi NSNN không có cam kết chi từ dự toán giao trong năm. Căn cứ Giấy nộp trả KP bằng tiền mặt của ĐVSDNS, ghi (GL, ngày hiện tại):

+ Trong năm ngân sách

Nợ TK 1112

Có TK 1513, 1523, 8113, 8123

Thực hiện xử lý số dự toán được khôi phục theo quy định.

+ Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Nợ TK 1112

Có TK 1399 - Phải thu trung gian khác

Đồng thời ghi (GL, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 1399 - Phải thu trung gian khác

Có TK 1513, 1523, 8113, 8123

Thực hiện xử lý số dự toán được khôi phục theo quy định.

- Nộp trả kinh phí cấp bằng dự toán. Căn cứ Giấy nộp trả kinh phí bằng tiền mặt, kế toán KBNN ghi (GL):

+ Trong năm ngân sách

Tại ngày hiện tại:

Nợ TK 1112

Có TK 1513, 1523, 8113, 8123

Trường hợp nộp theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền, ghi:

Nợ TK 1112

Có TK 3521, 3522, 3523, 3529

Nợ TK 3521, 3522, 3523, 3529

Có TK 1513, 1523, 8113, 8123

+ Trong thời gian chỉnh lý quyết toán

Tại ngày hiện tại:

Nợ TK 1112

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

(Trường hợp nộp theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền ghi:

Nợ TK 1112

Có TK 3521, 3522, 3523, 3529

Nợ TK 3521, 3522, 3523, 3529

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác)

Đồng thời ghi (kỳ 13, ngày hiệu lực 31/12 năm trước):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 1513, 1523, 8113, 8123

- Căn cứ Phiếu thu, Giấy nộp tiền vào tài khoản, ... nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1112

Có TK 3711, 3721, 3741, 3761, ... (chi tiết đơn vị)

- Chi NSNN không có cam kết chi, đơn vị thụ hưởng lĩnh tiền mặt. Căn cứ Giấy rút dự toán ngân sách, Giấy rút vốn đầu tư đã được bộ phận Kiểm soát chi kiểm soát, ghi (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 1513, 1523, 8113, 8123, 8116, 1713, 8211...

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Áp thanh toán: ghi (AP, ngày hạch toán hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112

- Căn cứ Giấy rút tiền mặt từ TK tiền gửi và hồ sơ liên quan (nếu có), ghi (AP):

Nợ TK 3711, 3721, 3731, 3741, 3761, ... (chi tiết đơn vị)

Có TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Áp thanh toán (AP):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian - AP

Có TK 1112, 3911

Ví dụ 1: Tại KBNN tỉnh (BL) có các nghiệp vụ phát sinh sau:

1. Nhận được giấy nộp tiền vào NSNN bằng tiền mặt, thu thuế GTGT của Cty (A) số tiền 100.000.000 đồng (NSTW 40%, NST 60%)

2. Nhận giấy nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thu sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp có thu (T) thuộc tỉnh quản lý số tiền là 60.000.000 đồng.

3. Nhận giấy rút dự toán ngân sách tỉnh kiêm lĩnh tiền mặt thực chi lương cho các đơn vị là 20.000.000 đồng.

4. Nhận giấy rút dự toán ngân sách trung ương bằng tiền mặt của các đơn vị dự toán tạm ứng chi công tác phí và chi khác số tiền là 60.000.000 đồng.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ phát sinh trên.

1.2.3.2. Kế toán tiền mặt theo túi niêm phong

- Trường hợp khách hàng đã làm thủ tục nộp tiền với điểm giao dịch nhưng cuối ngày chưa thực hiện thủ tục kiểm đếm và giao nhận giữa thủ quỹ điểm giao dịch với thủ quỹ tại Kho bạc, hoặc nhận tiền từ ngân hàng về nhưng chưa thực hiện kiểm đếm, căn cứ chứng từ nộp tiền của khách hàng và biên bản giao nhận tiền theo túi niêm phong giữa thủ quỹ tại Kho bạc và thủ kho tiền, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1113 - Tiền mặt theo túi niêm phong bằng Đồng Việt Nam

Có TK 1191, 1192, 3952, ...

- Chậm nhất đầu giờ làm việc ngày hôm sau, căn cứ BB kiểm đếm tiền mặt:

+ Nếu số tiền mặt khớp đúng với số tiền thu theo túi niêm phong, kế toán lập Phiếu thu, ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

Có TK 1113 - Tiền mặt theo túi niêm phong bằng VND

+ Nếu số tiền mặt thiếu chưa xác định rõ nguyên nhân so với số tiền thu theo túi niêm phong, kế toán lập Phiếu thu (số tiền mặt thực tế), lập Phiếu chuyển khoản (số tiền mặt thiếu), ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam (Số tiền mặt thực tế)

Nợ TK 1311 - Các khoản vốn bằng tiền thiếu chờ xử lý (Số TM thiếu)

Có TK 1113 - Tiền mặt theo túi niêm phong bằng VNĐ

Căn cứ văn bản xử lý tiền thiếu của Giám đốc đơn vị KBNN (KBNN tỉnh, Thành phố, quận, huyện) và chứng từ kế toán (Giấy nộp tiền hoặc Phiếu thu...), kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

Có TK 1311 - Các khoản vốn bằng tiền thiếu chờ xử lý

+ Nếu số tiền mặt thừa so với số tiền thu theo túi niêm phong, kế toán lập Phiếu thu và ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam (Số tiền mặt thực tế)

Có TK 1113 - Tiền mặt theo túi niêm phong bằng VNĐ (Số tiền mặt thu theo túi niêm phong đã hạch toán)

Có TK 3199 - Các tài sản thừa khác chờ xử lý (Số tiền thừa)

Việc xử lý tiền thừa thực hiện tương tự như quy định tại điểm 2 dưới đây.

1.2.3.3. Kế toán tiền mặt đang chuyển bằng đồng Việt Nam

Nghiệp vụ tiền mặt đang chuyển phát sinh trong trường hợp điều chuyển vốn bằng tiền mặt giữa KBNN tỉnh và KBNN huyện và các đơn vị KBNN nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản giao dịch.

- Điều chuyển vốn bằng tiền mặt giữa KBNN tỉnh và KBNN huyện

+ Căn cứ Lệnh điều chuyển vốn bằng tiền mặt, kế toán lập Phiếu chi, ghi (GL):

Nợ TK 1171 - Tiền đang chuyển bằng Đồng Việt Nam

Có TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

+ Căn cứ Biên bản giao nhận tiền có đầy đủ chữ ký của bên giao, bên nhận, kế toán lập Phiếu chuyển khoản, ghi (GL):

Nợ TK 3825 – Thanh toán vốn giữa tỉnh với huyện năm nay bằng VNĐ

Có TK 1171 - Tiền đang chuyển bằng Đồng Việt Nam

- Nộp tiền mặt từ quỹ của đơn vị KBNN vào tài khoản thanh toán tại NHTM:

+ Nộp tiền mặt trước giờ “cut off time”: NHTM sau khi thực hiện xong thủ tục nhận tiền mặt, gửi LTT đến trên TTSPĐT cho đơn vị KBNN trước giờ “cut off time”, số liệu thanh toán này được đối chiếu điện tử trong ngày làm việc.

+ Nộp tiền mặt sau giờ “cut off time”, NHTM sau khi thực hiện xong thủ tục nhận tiền mặt, gửi LTT đến trên TTSPĐT cho đơn vị KBNN vào ngày làm việc kế tiếp (như các khoản thu khác sau giờ “cut off time”), số liệu này được đối chiếu điện tử trong ngày làm việc kế tiếp.

+ Căn cứ Phiếu chi, kế toán ghi: (TABMIS – GL)

Nợ TK 1171 – Tiền đang chuyển bằng VNĐ

Có TK 1112 – Tiền mặt bằng VNĐ

+ Khi nhận được LTT đến (báo Có) từ NHTM cho đơn vị Kho bạc, căn cứ LTT báo Có, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1191, 1192, 1193, 1194, 1195 – TK thanh toán

Có TK 1171 – Tiền đang chuyển bằng VNĐ

Lưu ý: Việc tất toán tài khoản Tiền đang chuyển chỉ được thực hiện khi KBNN nhận được LTT đến của NHTM trên TTSPĐT, đồng thời giấy nộp tiền có xác nhận “Đã thu tiền” của NHTM được lưu cùng LTT đến này trong tập chứng từ ngày.

1.2.3.4. Kế toán tiền thừa

a. Tiền thừa không rõ nguyên nhân

- Khi kiểm kê phát hiện số tiền mặt thực tế thừa so với sổ kế toán không rõ nguyên nhân, căn cứ Biên bản kiểm kê về số tiền thừa, kế toán lập Phiếu thu, ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

Có TK 3199 - Các tài sản thừa khác chờ xử lý

- Trường hợp xác định được nguyên nhân tiền thừa do khách hàng nộp thừa hoặc chi thiếu cho khách hàng, căn cứ văn bản xử lý tiền thừa của Giám đốc KBNN, kế toán lập chứng từ (Phiếu chi hoặc Phiếu chuyển khoản), ghi (GL):

Nợ TK 3199 - Các tài sản thừa khác chờ xử lý

Có TK 1112, 3711, 3721, ...

- Trường hợp tiền thừa không rõ nguyên nhân theo dõi trên TK 3199 - Các tài sản thừa khác chờ xử lý, có thời gian từ 1 năm trở lên chưa được xử lý, nếu không có đề nghị, khiếu nại sẽ được chuyển vào thu NSNN.

Căn cứ văn bản xử lý của Giám đốc đơn vị KBNN về việc xử lý chuyển số tiền thừa không rõ nguyên nhân vào thu NSNN (NSTW), kế toán lập Phiếu chuyển khoản, ghi (GL):

Nợ TK 3199 - Các tài sản thừa khác chờ xử lý

Có TK 3391 – Phải trả trung gian về thu NSNN

Đồng thời ghi (TCS-TT):

Nợ TK 3199 – Các tài sản thừa khác chờ xử lý

Có TK 7111 - Thu NSNN

Bút toán trên giao diện sang TABMIS - GL:

Nợ TK 3391 - Phải trả trung gian về thu NSNN

Có TK 7111 - Thu NSNN

b. Tiền thừa do tiền lẻ phát sinh trong quá trình giao dịch

- Tại KBNN huyện

Căn cứ số tiền thừa phát sinh trong quá trình giao dịch, cuối tháng, kế toán tổng hợp lập Phiếu thu, ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

Có TK 3713 – Tiền gửi khác (chi tiết theo mã ĐVQHNS của KBNN)

- Tại Phòng giao dịch:

Căn cứ số tiền thừa phát sinh trong quá trình giao dịch, cuối tháng, kế toán tổng hợp lập Phiếu thu, ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

Có TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Đồng thời lập phiếu chuyển khoản, ghi (GL):

Nợ TK 3399 - Phải trả trung gian khác

Có TK 3853 - Lệnh chuyển Có (LKB đi)

- Tại KBNN tỉnh:

+ Đối với số tiền thừa phát sinh tại Phòng giao dịch, căn cứ Lệnh chuyển Có kèm chứng từ phục hồi do Phòng giao dịch gửi, ghi (GL):

Nợ TK 3856 - LKB đến Lệnh chuyển Có

Có TK 3713 – Tiền gửi khác (chi tiết theo mã ĐVQHNS của KBNN)

+ Đối với số tiền thừa phát sinh tại Văn phòng KBNN tỉnh, hạch toán tương tự tại KBNN huyện.

1.2.3.5. Kế toán tiền thiếu

Khi kiểm kê tiền mặt phát hiện số tiền mặt thực tế thiếu so với sổ kế toán không rõ nguyên nhân, căn cứ Biên bản kiểm kê về số tiền thiếu, kế toán lập Phiếu chuyển khoản, ghi (GL):

Nợ TK 1311 - Các khoản vốn bằng tiền thiếu chờ xử lý (Số TM thiếu)

Có TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

Căn cứ văn bản xử lý tiền thiếu của Giám đốc đơn vị KBNN và chứng từ kế toán liên quan (Giấy nộp tiền hoặc Phiếu thu...), kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1112 - Tiền mặt bằng Đồng Việt Nam

Có TK 1311 - Các khoản vốn bằng tiền thiếu chờ xử lý

2. Kế toán thanh toán không dùng tiền mặt

2.1. Kế toán thanh toán điện tử liên kho bạc

2.1.1. Quy định chung

2.1.1.1. Khái niệm thanh toán điện tử liên kho bạc (LKB)

Thanh toán điện tử liên kho bạc trong điều kiện vận hành TABMIS là việc thực hiện thanh toán các khoản thu hộ, chi hộ giữa các đơn vị Kho bạc trong nội bộ hệ thống KBNN và được thực hiện bằng phương thức chuyển lệnh thanh toán điện tử trực tiếp trên phân hệ của hệ thống TABMIS (phân hệ TABMIS LKB).

2.1.1.2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng cho các khoản thanh toán thuộc hoạt động nghiệp vụ KBNN giữa các đơn vị KBNN với nhau, bao gồm:

- Các giao dịch thanh toán chuyển tiền của Khách hàng từ KB A (Khách hàng A) đến Khách hàng giao dịch tại KB B (Khách hàng B) khi ít nhất một trong hai Khách hàng A hoặc Khách hàng B có mở tài khoản tại Kho bạc.

- Chỉ áp dụng Lệnh chuyển Nợ cho các hoạt động nghiệp vụ trong nội bộ hệ thống KBNN.

- Các nghiệp vụ nội bộ của hệ thống KBNN thanh toán qua TABMIS LKB không liên quan đến tài khoản khách hàng thì không áp dụng quy trình thống nhất đầu mối kiểm soát chi NSNN qua KBNN.

2.1.1.3. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng cho các đơn vị KBNN tham gia hệ thống thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS), cụ thể:

- KBNN (trung ương), gồm: Cục Kế toán Nhà nước, Sở Giao dịch KBNN, Cục Công nghệ thông tin.

- KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (KBNN tỉnh).

- KBNN quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, Phòng giao dịch trực thuộc KBNN tỉnh (KBNN huyện).

Các đối tượng tham gia quy trình thanh toán điện tử TABMIS LKB gồm: chuyên viên kiểm soát chi, phụ trách kiểm soát chi, kế toán viên, thanh toán viên, kế toán trưởng (hoặc ủy quyền), giám đốc (hoặc ủy quyền), quản trị hệ thống, quản lý vận hành hệ thống TABMIS.

2.1.1.4. Giải thích từ ngữ và viết tắt

- Chứng từ điện tử và chữ ký điện tử

- + Chứng từ điện tử trong hoạt động thanh toán điện tử liên kho bạc là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử trong các giao dịch thanh toán điện tử liên kho bạc của KBNN.

- + Chữ ký điện tử (chữ ký số) là thông tin dưới dạng điện tử được gắn kèm một cách phù hợp với dữ liệu điện tử nhằm xác lập mối quan hệ giữa người gửi và nội dung của dữ liệu điện tử đó.

- Người phát lệnh (khách hàng A): Là tổ chức, cá nhân phát ra chứng từ thanh toán qua đơn vị Kho bạc. Các trường hợp thanh toán liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ nội bộ, người phát lệnh là Kho bạc gửi lệnh.

- Người nhận lệnh (khách hàng B): Là tổ chức hoặc cá nhân được thụ hưởng khoản tiền (nếu là lệnh chuyển Có); là tổ chức phải trả tiền (nếu là Lệnh chuyển Nợ), còn gọi là người trả tiền. Các trường hợp thanh toán liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ nội bộ, người nhận lệnh là Kho bạc nhận lệnh.

- Kho bạc gửi lệnh (KB A): Là đơn vị kho bạc nhận chứng từ thanh toán của người phát lệnh để thực hiện thanh toán chứng từ đó.